

**TỈNH ỦY TRÀ VINH  
BAN TUYÊN GIÁO**

\*

**Số 150 - CV/BTGTU**

*V/v tuyên truyền tài liệu Hỏi - đáp về bầu cử  
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND  
các cấp nhiệm kỳ 2021-2026*

**ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM**

*Trà Vinh, ngày 01 tháng 3 năm 2021*

**Kính gửi:** - Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy,  
- Báo Trà Vinh,  
- Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh.

Căn cứ Kế hoạch số 04-KH/TU, ngày 19/02/2021 của Tỉnh ủy về *tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy biên soạn và gửi đến các cơ quan, đơn vị tài liệu Hỏi - đáp về bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Đề nghị Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện việc tuyên truyền trên chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về cuộc bầu cử nêu trên; các huyện ủy, thị ủy, thành ủy chỉ đạo thực hiện việc thu âm, phát trên sóng truyền thanh của các huyện, thị xã, thành phố, trạm truyền thanh các xã, phường, thị trấn. Thời gian phát sóng do các đơn vị bố trí thực hiện, nhưng phải đảm bảo 2 lần/ngày và phát sóng vào thời điểm cho nhiều người được nghe. Thời gian triển khai thực hiện từ nay đến ngày diễn ra bầu cử 23/5/2021.

Đề nghị các huyện ủy, thị ủy, thành ủy; Báo Trà Vinh, Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh sớm chỉ đạo triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Phòng TT- BC -VH- VN,
- Lưu phòng KG - TH.

**TRƯỞNG BAN**



*Trần Quốc Tuấn*  
**Trần Quốc Tuấn**



BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY TRÀ VINH

---

TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP  
VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV  
VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ  
2021-2026

**Câu 1. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 có ý nghĩa chính trị như thế nào?**

Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận. Bầu cử là phương thức thể hiện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung và thành lập cơ quan quyền lực nhà nước ở trung ương và địa phương nói riêng.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tổ chức cùng một ngày trên phạm vi cả nước, trong bối cảnh công cuộc đổi mới ở nước ta sau 35 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên mọi lĩnh vực đời sống, xã hội, nhưng cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là tác động, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, diễn ra sau thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, gắn liền với công tác cán bộ, liên quan đến trách nhiệm của các cấp, các ngành; là nơi để cử tri phát huy quyền làm chủ của công dân, lựa chọn bầu ra những người tiêu biểu, xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới, góp phần tích cực vào việc xây dựng, củng cố và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Câu 2. Quốc hội Việt Nam có vị trí, vai trò như thế nào trong bộ máy nhà nước ta? Tại sao nói Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân?**

Trong bộ máy nhà nước ta, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

*Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất* bởi vì theo quy định của Hiến pháp, ở nước ta, tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân. Nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước. Quốc hội do Nhân dân bầu ra, là cơ quan nhà nước cao nhất thực hiện quyền lực của Nhân dân. Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất còn thể hiện ở chức năng của Quốc hội. Theo quy định của Hiến pháp, Quốc hội là cơ quan thực hiện quyền làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, làm luật và sửa đổi luật. Bằng việc làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp, Quốc hội quy định các vấn đề cơ bản nhất, quan trọng nhất về hình thức và bản chất của Nhà nước; ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cơ bản của

công dân; quy định các nội dung cơ bản về chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường, bảo vệ Tổ quốc và về tổ chức bộ máy nhà nước. Bằng việc làm luật và sửa đổi luật, Quốc hội điều chỉnh các quan hệ xã hội trong từng lĩnh vực của đời sống xã hội. Bên cạnh đó, Quốc hội là cơ quan có quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, đó là những chủ trương lớn, những vấn đề quốc kế dân sinh, những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Không một cơ quan nào đứng trên Quốc hội trong xem xét, đánh giá việc thi hành Hiến pháp, luật - những văn bản mà chỉ Quốc hội mới có quyền ban hành. Các cơ quan do Quốc hội thành lập và người giữ các chức vụ do Quốc hội bầu, phê chuẩn phải chịu trách nhiệm, báo cáo công tác trước Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội.

*Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân* được thể hiện ở các mặt sau đây:

- Trước hết về cách thức thành lập, Quốc hội là cơ quan do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc hội đại diện cho ý chí và nguyện vọng của Nhân dân cả nước, được Nhân dân tin tưởng uỷ thác quyền lực nhà nước, thay mặt Nhân dân quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước và chịu trách nhiệm trước Nhân dân cả nước.

- Về cơ cấu tổ chức, đại biểu Quốc hội là yếu tố cơ bản và quan trọng nhất cấu thành Quốc hội. Đại biểu Quốc hội là những công dân ưu tú trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, đại diện cho các tầng lớp Nhân dân và các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam. Quốc hội là hình ảnh của khối đại đoàn kết toàn dân, là biểu trưng sức mạnh trí tuệ của cả dân tộc Việt Nam.

- Chức năng và nhiệm vụ của Quốc hội được quy định toàn diện trên các lĩnh vực: lập hiến, lập pháp, giám sát tối cao và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, nhằm phục vụ cho lợi ích chung của toàn thể Nhân dân.

### **Câu 3. Quốc hội có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì?**

Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội thì Quốc hội nước ta có 3 chức năng chính là: thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật.
2. Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao,

Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

3. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

4. Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.

5. Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước.

6. Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.

7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Toà án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng Quốc phòng và An ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.

8. Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.

9. Quyết định thành lập, bãi bỏ Bộ, cơ quan ngang Bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật.

10. Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.

11. Quyết định đại xá.

12. Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước.

13. Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia.

14. Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội.

15. Quyết định trưng cầu ý dân.

**Câu 4. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?**

Đại biểu Quốc hội là những công dân ưu tú trong mọi lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và xã hội, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân ở đơn vị bầu cử ra mình và của Nhân dân cả nước; là người thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước trong Quốc hội. Đại biểu Quốc hội chịu trách nhiệm trước cử tri và trước Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình. Đại biểu Quốc hội bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội.

**Câu 5. Đại biểu Quốc hội có những quyền cơ bản nào?**

Đại biểu Quốc hội có quyền trình dự án luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định. Đại biểu Quốc hội được tư vấn, hỗ trợ trong việc lập, hoàn thiện hồ sơ về dự án luật, pháp lệnh, kiến nghị về luật, pháp lệnh theo quy định của pháp luật.

Đại biểu Quốc hội có quyền tham gia làm thành viên của Hội đồng Dân tộc hoặc Ủy ban của Quốc hội. Đại biểu Quốc hội không phải là thành viên của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội có quyền đăng ký tham dự phiên họp do Hội đồng, Ủy ban tổ chức để thảo luận về những nội dung mà đại biểu quan tâm.

Đại biểu Quốc hội có quyền ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử vào các chức danh do Quốc hội bầu.

Đại biểu Quốc hội có quyền chất vấn Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước.

Đại biểu Quốc hội có quyền kiến nghị Quốc hội làm Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp, trưng cầu ý dân, thành lập Ủy ban lâm thời của Quốc hội, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn, tổ chức phiên họp bất thường, phiên họp kín của Quốc hội và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu Quốc hội thấy cần thiết.

Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Quốc hội có

quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Quốc hội có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Đại biểu Quốc hội có quyền tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, có quyền tham gia ý kiến vào các vấn đề quản lý nhà nước, vấn đề liên quan đến đời sống của Nhân dân và các vấn đề khác mà đại biểu quan tâm.

**Câu 6. Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?**

Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp toàn thể của Quốc hội; tham gia các hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội; của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội; các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà mình là thành viên.

Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thường xuyên tiếp xúc với cử tri, tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri với Quốc hội, các cơ quan, tổ chức hữu quan; phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật.

Đại biểu Quốc hội có trách nhiệm tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định của pháp luật.

Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách có trách nhiệm tham gia hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách và các hội nghị khác do Ủy ban Thường vụ Quốc hội triệu tập.

**Câu 7. Hội đồng nhân dân giữ vị trí, vai trò như thế nào ở địa phương?**

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

**Câu 8. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?**

Đại biểu Hội đồng nhân dân là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân địa phương; liên hệ chặt chẽ với cử tri, chịu sự giám sát của cử tri, thực hiện chế độ tiếp xúc, báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân, trả lời những yêu cầu, kiến nghị của cử tri; xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, động viên Nhân dân tham gia quản lý nhà nước. Đại biểu Hội đồng nhân dân bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân.

### **Câu 9. Đại biểu Hội đồng nhân dân có những quyền gì?**

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Ủy viên Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị Hội đồng nhân dân bỏ phiếu tín nhiệm đối với những người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu; kiến nghị tổ chức phiên họp chuyên đề, phiên họp để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất, phiên họp kín của Hội đồng nhân dân và kiến nghị về những vấn đề khác mà đại biểu thấy cần thiết.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền kiến nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng biện pháp cần thiết để thực hiện Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước, quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật.

Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

### **Câu 10. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?**

Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân, tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân



dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân phải liên hệ chặt chẽ với cử tri nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và ít nhất mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân nơi mình là đại biểu, trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

Sau mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo với cử tri về kết quả của kỳ họp, phổ biến và giải thích các nghị quyết của Hội đồng nhân dân, vận động và cùng với Nhân dân thực hiện các nghị quyết đó.

Đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tiếp công dân theo quy định của pháp luật. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm nghiên cứu, kịp thời chuyển đến người có thẩm quyền giải quyết và thông báo cho người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị biết; đôn đốc, theo dõi và giám sát việc giải quyết. Người có thẩm quyền giải quyết phải thông báo cho đại biểu Hội đồng nhân dân về kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân trong thời hạn do pháp luật quy định. Trong trường hợp xét thấy việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đúng pháp luật, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền gặp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan để tìm hiểu, yêu cầu xem xét lại; khi cần thiết, đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó giải quyết.

**Câu 11. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 có điểm gì mới?**

Căn cứ quy định của Luật số 47/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 22 ngày 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 có sự thay đổi so với nhiệm kỳ 2016-2021 về số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, số lượng cấp phó và cơ cấu của Thường trực Hội đồng nhân dân. Cụ thể như sau:

- Về số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định tỉnh miền núi, vùng cao có từ 500.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 500.000 dân thì cứ thêm 50.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 75 đại biểu (giảm 10 đại biểu); tỉnh không thuộc trường hợp nêu trên có từ 01 triệu dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 01 triệu dân thì cứ thêm 70.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu (giảm 10 đại biểu). Thành phố trực thuộc trung ương có từ 01 triệu dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên 01 triệu dân thì cứ thêm

60.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu (giảm 10 đại biểu). Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được bầu 95 đại biểu (giảm 10 đại biểu).

- *Về cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân:* Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Như vậy, trong cơ cấu của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không có chức danh Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân.

- *Về số lượng cấp phó:* Trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì có 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách thì có 02 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

#### **Câu 12. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 có điểm gì mới?**

Căn cứ quy định của Luật số 47/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 có sự thay đổi so với nhiệm kỳ 2016-2021 theo hướng giảm số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu và giảm 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Cụ thể như sau:

- Huyện miền núi, vùng cao, hải đảo có từ 40.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 40.000 dân thì cứ thêm 7.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Huyện không thuộc trường hợp nêu trên, thị xã có từ 80.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 80.000 dân thì cứ thêm 15.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Quận, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương có từ 100.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; có trên 100.000 dân thì cứ thêm 15.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 35 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương có từ 30 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc trở lên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, nhưng tổng số không quá 40 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội

đồng nhân dân cấp huyện. Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

**Câu 13. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021 – 2026 có điểm gì mới?**

Căn cứ quy định của Luật số 47/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021-2026 cũng có sự thay đổi so với nhiệm kỳ 2016-2021 về số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu và cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân. Cụ thể như sau:

- Xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 2.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu (đối với xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 1.000 dân đến 2.000 dân giảm 05 đại biểu).

- Xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có trên 2.000 dân đến dưới 3.000 dân được bầu 19 đại biểu (giảm 06 đại biểu).

- Xã, thị trấn miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 3.000 dân đến 4.000 dân được bầu 21 đại biểu; có trên 4.000 dân thì cứ thêm 1.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Xã, thị trấn không thuộc trường hợp nêu trên có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 25 đại biểu; có trên 5.000 dân thì cứ thêm 2.500 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

- Phường có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 21 đại biểu (giảm 04 đại biểu).

- Phường có trên 10.000 dân thì cứ thêm 5.000 dân được bầu thêm 01 đại biểu, nhưng tổng số không quá 30 đại biểu (giảm 05 đại biểu).

Về cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và có thêm các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân cấp xã. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

**Câu 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?**

Điều 19 và Điều 40 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc trung ương trong việc tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật; quyết định các vấn đề của địa phương trên các lĩnh vực: xây dựng chính quyền, kinh tế, tài nguyên, môi trường, y tế, lao động và thực

hiện chính sách xã hội, công tác dân tộc, tôn giáo và quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Đồng thời, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh còn thực hiện nhiệm vụ giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp huyện; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Câu 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp huyện được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 26 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, *Hội đồng nhân dân huyện* có nhiệm vụ tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương; quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương trên các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, xây dựng chính quyền, kinh tế, tài nguyên, môi trường, giáo dục, văn hóa - xã hội. Hội đồng nhân dân huyện thực hiện giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp và văn bản của Hội đồng nhân dân cấp xã; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn nêu trên, *Hội đồng nhân dân thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương* theo quy định tại Điều 54 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương còn có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Quyết định quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị trên cơ sở quy hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; quyết định dự án đầu tư công trình đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Quyết định các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch xây dựng công trình hạ tầng đô thị, giao thông theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp quản lý dân cư và tổ chức đời sống dân cư, bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan đô thị trên địa bàn.

**Câu 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 33 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì *Hội đồng nhân dân xã* có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

- Quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn xã.

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân xã; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

- Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của xã, trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt. Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách xã; điều chỉnh dự toán ngân sách xã trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách xã. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của xã trong phạm vi được phân quyền.

- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu.

- Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã và chấp nhận việc đại biểu Hội đồng nhân dân xã xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu.

- Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Đối với *Hội đồng nhân dân phường, thị trấn*, theo quy định tại Điều 61 và Điều 68 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân phường, thị trấn cơ bản giống như nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã, trừ nhiệm vụ quyết định biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong phạm vi được phân quyền; biện pháp bảo vệ tài sản của cơ quan, tổ chức, bảo hộ tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân trên địa bàn phường, thị trấn do nội dung này thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp trên để bảo đảm tính đồng bộ, tập trung trong quản lý đô thị.

**Câu 17. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?**

Đại biểu Quốc hội phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Đó là:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ.

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

- Có điều kiện tham gia hoạt động của Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

#### **Câu 18. Quyền bầu cử là gì? Quyền ứng cử là gì?**

Quyền bầu cử là quyền cơ bản của công dân theo quy định của pháp luật trong việc được lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền bầu cử bao gồm việc giới thiệu người ứng cử và bỏ phiếu bầu cử để lựa chọn người đại diện cho mình tại Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

Quyền ứng cử là quyền cơ bản của công dân khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật thì có thể thể hiện nguyện vọng của mình được ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 27 của Hiến pháp và Điều 2 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định: Tính đến ngày bầu cử được công bố, công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

#### **Câu 19. Tại sao nói bầu cử là quyền và nghĩa vụ của công dân?**

Quyền bầu cử là quyền chính trị cơ bản của công dân được Hiến pháp và pháp luật quy định nhằm bảo đảm cho mọi công dân có đủ điều kiện thực hiện việc lựa chọn người đại biểu của mình vào cơ quan quyền lực nhà nước. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân.

Thông qua bầu cử, công dân trực tiếp bỏ phiếu bầu người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình, thay mặt mình thực hiện quyền lực nhà nước, góp phần thiết lập bộ máy nhà nước để tiến hành các hoạt động quản lý xã hội. Vì vậy, thực hiện bầu cử là trách nhiệm của công dân đối với đất nước.

**Câu 20. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo những nguyên tắc nào?**

Theo quy định tại Điều 7 của Hiến pháp năm 2013 và Điều 1 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo các nguyên tắc sau đây:

- Nguyên tắc bầu cử phổ thông.
- Nguyên tắc bình đẳng.
- Nguyên tắc bầu cử trực tiếp.
- Nguyên tắc bỏ phiếu kín.

**Câu 21. Số người được giới thiệu ứng cử là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số được quy định như thế nào?**

Số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Đoàn chủ tịch Ban chấp hành trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ.

Số lượng người dân tộc thiểu số được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội do Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự kiến trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, bảo đảm có ít nhất 18% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số.

Số người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp cũng phải bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; số lượng người ứng cử là người dân tộc thiểu số được xác định phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương.

**Câu 22. Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?**

Việc dự kiến cơ cấu, thành phần, phân bổ số lượng người được giới thiệu để ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở mỗi đơn vị hành chính phải bảo đảm cơ cấu hợp lý trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở cấp mình và các đơn vị hành chính cấp dưới (đối với cấp tỉnh, cấp huyện), các thôn, tổ dân phố (đối với cấp xã), đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế trên địa bàn; có đại diện của các thành phần xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo, độ tuổi và đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Bảo đảm có ít nhất là 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là phụ nữ; phần đầu tỷ lệ phụ nữ trúng cử là khoảng 30% tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Bảo đảm tỷ lệ hợp lý người trong danh sách chính thức những người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người dân tộc thiểu số, phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân số của từng địa phương. Quan tâm đến những dân tộc thiểu số trong nhiều khóa chưa có người tham gia vào hoạt động của Hội đồng nhân dân.

- Phần đầu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là người ngoài Đảng không thấp hơn 10% tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Phần đầu đạt tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) không thấp hơn 15% tổng số người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Phần đầu đạt tỷ lệ từ 30% trở lên đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2016 - 2021 tái cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 ở từng cấp.

- Giảm tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước so với nhiệm kỳ 2016 - 2021.

**Câu 23. Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?**

Tại khoản 4 Điều 10 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định:

- Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội được bầu không quá 03 đại biểu.

- Mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu không quá 05 đại biểu.

**Câu 24. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến bầu cử được thực hiện như thế nào?**

1. Do tính chất và đặc điểm về thời gian tổ chức bầu cử, nên việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong bầu cử không thực hiện theo các quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo. Việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo trong bầu cử chủ yếu nhằm mục đích bảo đảm cho các bước, các công đoạn trong quá trình tổ chức bầu cử được tiến hành đúng quy định của pháp luật; việc xem xét, xác định trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, tổ chức có vi phạm vẫn thực hiện theo các quy định khác có liên quan của pháp luật (ví dụ như pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật về thanh tra, về khiếu nại, tố cáo, về hình sự...)

2. Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định về việc xác minh, trả lời các vụ việc mà cử tri nêu đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phát sinh trong quá trình giới thiệu, hiệp thương, lựa chọn người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Điều luật này đã nêu rõ trách nhiệm và thời hạn xác minh, trả lời đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo. Kết quả xác minh, trả lời về các vụ việc nói trên là cơ sở để Hội nghị hiệp thương



lần thứ ba xem xét, quyết định danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Điều 61 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định chung về khiếu nại, tố cáo về người ứng cử, lập danh sách người ứng cử. Theo đó, công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử không phân biệt về thời điểm thực hiện việc khiếu nại, tố cáo. Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân là các cơ quan chịu trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Đối với các vụ việc cử tri nêu lên về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong thời gian tiến hành hiệp thương thì việc xác minh và trả lời được thực hiện theo quy định tại Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Kết quả xác minh, trả lời được gửi cho Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương để làm cơ sở cho Hội nghị hiệp thương lần thứ ba xem xét, quyết định danh sách những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

Các tố cáo về người ứng cử từ sau khi kết thúc Hội nghị hiệp thương lần thứ ba hoặc việc xử lý kết quả xác minh những vụ việc cử tri nêu mà chưa được trả lời theo thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 55 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đều thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử theo quy định tại Điều 61 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân 10 ngày trước ngày bầu cử. Các khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết được chuyển đến Thường trực Hội đồng nhân khóa mới để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

3. Về nguyên tắc, các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về tư cách của người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, liên quan đến việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các thông tin trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban bầu cử nơi đã lập và công bố danh sách này. Khi tiếp nhận các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thuộc loại nói trên, Ban bầu cử phải chuyển ngay cho Ủy ban bầu cử để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền (điểm e khoản 2 Điều 24 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân). Căn cứ vào kết quả xác minh, trả lời của các cơ quan hữu quan, Ủy ban bầu cử có thể quyết định xóa tên người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong danh sách chính thức những người ứng cử hoặc thực hiện việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dung cần thiết trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Ban bầu cử chỉ giải quyết những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị mang tính kỹ thuật liên quan đến việc công bố, niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử (ví dụ như về thời điểm niêm yết, vị trí, cách thức niêm yết danh sách, các sai sót in ấn trong danh sách đã niêm yết....). Trong trường hợp công dân không đồng ý với giải quyết của Ban bầu cử thì Ủy ban bầu cử cấp tương ứng giải quyết; trình tự giải quyết được căn cứ vào nội dung vụ việc khiếu nại hay tố cáo.

4. Các tố cáo liên quan đến sai phạm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hiệp thương, đến thành viên của Ủy ban bầu cử, đến các Ban bầu cử, Tổ bầu cử đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Tuy nhiên, Ủy ban bầu cử chỉ xem xét, quyết định về các nội dung liên quan trực tiếp đến việc tổ chức bầu cử; việc xem xét, xác định trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, tổ chức có vi phạm được thực hiện theo các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Câu 25. Người có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử bị xử lý như thế nào?**

Điều 95 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định rõ: Người nào dùng thủ đoạn lừa gạt, mua chuộc hoặc cưỡng ép làm trở ngại việc bầu cử, ứng cử của công dân; vi phạm các quy định về vận động bầu cử; người có trách nhiệm trong công tác bầu cử mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bầu cử thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào quy định của Luật này, Bộ luật Hình sự đã quy định cụ thể 02 tội liên quan đến bầu cử gồm:

- Tội xâm phạm quyền bầu cử, ứng cử hoặc biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân của công dân (Điều 160):

“1. Người nào lừa gạt, mua chuộc, cưỡng ép hoặc dùng thủ đoạn khác cản trở công dân thực hiện quyền bầu cử, quyền ứng cử hoặc quyền biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thì bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 02 năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Dẫn đến hoãn ngày bầu cử, bầu cử lại hoặc hoãn việc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

- Tội làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân (Điều 161):

“1. Người nào có trách nhiệm trong việc tổ chức, giám sát việc bầu cử, tổ chức trưng cầu ý dân mà giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử, kết quả trưng cầu ý dân, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 03 năm:

a) Có tổ chức;

b) Dẫn đến phải tổ chức lại việc bầu cử hoặc trưng cầu ý dân.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử (như kê khai hồ sơ ứng cử không trung thực, gian dối, giả mạo thông tin, vi phạm các quy định về vận động bầu cử...) thì có thể bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử hoặc nếu đã được bầu thì cũng không được công nhận tư cách đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

#### **Câu 26. Những người nào được gọi là cử tri?**

Cử tri là người có quyền bầu cử. Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – là người có quốc tịch Việt Nam, tính đến ngày bầu cử (Ngày 23 tháng 5 năm 2021), đủ 18 tuổi trở lên và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về bầu cử đều có quyền bầu cử.

#### **Câu 27. Những người nào không được ghi tên vào danh sách cử tri?**

Những người thuộc các trường hợp sau đây không được ghi tên vào danh sách cử tri:

- Người đang bị tước quyền bầu cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

- Người bị kết án tử hình đang trong thời gian chờ thi hành án.

- Người đang chấp hành hình phạt tù mà không được hưởng án treo.

- Người mất năng lực hành vi dân sự.

#### **Câu 28. Quyền bầu cử của các cử tri có giống nhau hay không?**

Tùy thuộc thời gian cư trú hoặc quan hệ gắn bó với địa phương nơi đăng ký tham gia bầu cử mà Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân đã quy định từng nhóm đối tượng cử tri có phạm vi tham gia bầu cử không hoàn toàn giống nhau. Cụ thể là:

- Cử tri là người đăng ký thường trú tại khu vực bỏ phiếu và cử tri là người

đăng ký tạm trú, có thời gian đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có đơn vị bỏ phiếu từ đủ 12 tháng trở lên thì được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả 3 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã (trừ nơi không có đơn vị hành chính cấp xã hoặc nơi thực hiện mô hình chính quyền đô thị không tổ chức Hội đồng nhân dân quận, phường).

- Cử tri là người đăng ký tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu và có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng thì chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện ở nơi mình tạm trú nếu có nguyện vọng tham gia bỏ phiếu tại nơi tạm trú.

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**Câu 29. Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh?**

- Cử tri là người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi người đó đang bị tạm giam, tạm giữ, đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Cử tri vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi đã được ghi tên vào danh sách cử tri thì làm thủ tục để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu.

**Câu 30. Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện?**

- Cử tri là người tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã và có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng chỉ được ghi tên vào danh sách cử tri để tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện nơi mình đang tạm trú.

- Cử tri là quân nhân ở các đơn vị vũ trang nhân dân được ghi tên vào danh sách cử tri để bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ở nơi tạm trú hoặc đóng quân.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì làm thủ tục để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi tạm trú và tham

gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Người chuyển đến tạm trú ở nơi khác với đơn vị hành chính cấp xã mà mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri và có nguyện vọng tham gia bầu cử ở nơi tạm trú mới thì được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi cư trú cũ và bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi tạm trú mới để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.

**Câu 31. Những trường hợp nào cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp?**

Cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã khi thuộc các trường hợp sau đây:

- Cử tri là người thường trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu.

- Cử tri là người tạm trú tại đơn vị hành chính cấp xã nơi có khu vực bỏ phiếu và có thời gian đăng ký tạm trú từ đủ 12 tháng trở lên.

- Công dân Việt Nam ở nước ngoài trở về Việt Nam trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ đã làm thủ tục để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi thường trú.

- Người đang bị tạm giam, tạm giữ, người đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc nếu đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ mà được trả tự do hoặc đã hết thời gian giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc và đã làm thủ tục để được xóa tên trong danh sách cử tri ở nơi có trại tạm giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc và được bổ sung vào danh sách cử tri tại nơi thường trú.

**Câu 32. Quyền bầu cử của người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện được thực hiện như thế nào?**

Đối với cử tri là người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì việc bảo đảm thực hiện quyền bầu cử được xác định như đối với cử tri là người tạm trú quy định tại khoản 3 Điều 29 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Theo đó, nếu đến trước ngày bầu cử những cử tri này trở về nơi thường trú thì được bổ sung tên vào danh sách cử tri ở nơi thường trú để bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp tỉnh, huyện, xã. Trường hợp đến ngày bầu cử họ vẫn đang thực hiện việc cai nghiện, chữa trị ở cơ sở cai nghiện, nếu thời gian từ khi bắt đầu cai nghiện, chữa trị tại cơ sở đến ngày bầu cử chưa đủ 12 tháng thì những cử tri này được tham gia bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện; nếu thời gian từ khi bắt đầu cai nghiện, chữa trị tại cơ sở đến ngày bầu cử là từ đủ 12 tháng trở lên thì họ được tham gia bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở cai nghiện.

**Câu 33. Cử tri là người di cư tự do, chưa đăng ký thường trú hoặc tạm**

**trú tại địa phương thì có quyền tham gia bầu cử đại biểu ở cấp nào?**

Về nguyên tắc, mọi công dân có quyền bầu cử đều được ghi tên vào danh sách cử tri và được phát Thẻ cử tri để thực hiện quyền bầu cử, ở nơi mình thường trú hoặc tạm trú. Để bảo đảm quyền bầu cử của cử tri là người di cư tự do, theo hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia từ cuộc bầu cử năm 2016, Ủy ban nhân dân cấp xã cần thông tin cho cử tri trên địa bàn biết về cách thức thực hiện quyền bầu cử và việc lập danh sách cử tri để cử tri quyết định nơi mình đăng ký thực hiện quyền bầu cử (có thể là trở về nơi họ đang đăng ký thường trú hoặc tạm trú). Trường hợp cử tri vẫn có nguyện vọng được thực hiện việc bầu cử tại địa phương nơi họ đang thực tế sinh sống thì địa phương tạo điều kiện để ghi tên những cử tri này vào danh sách cử tri của khu vực bỏ phiếu tương ứng nơi họ đang thực tế sinh sống và thực hiện quyền bầu cử như đối với cử tri là người tạm trú, có thời gian đăng ký tạm trú chưa đủ 12 tháng (do không có cơ sở để xác định thời gian bắt đầu cư trú tại địa phương).

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức để cử tri là người di cư tự do chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu của địa phương được xác định trên cơ sở các thôn, bản, cụm dân cư hiện có trên địa bàn.

**Câu 34. Cử tri đăng ký thường trú ở địa phương nhưng đi lao động, học tập ở địa phương khác nên thường xuyên không có mặt ở nơi thường trú dài ngày thì việc bảo đảm quyền bầu cử cho họ được thực hiện như thế nào?**

Trường hợp cử tri đã đăng ký thường trú ở địa phương, nếu đã làm thủ tục khai báo tạm vắng trước khi đi lao động, học tập tại địa phương khác thì được coi là không thường trú tại địa phương. Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi công dân đăng ký thường trú không ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri. Trong trường hợp này, công dân có quyền đăng ký để được ghi tên vào danh sách cử tri ở nơi mình đang tạm trú và thực hiện quyền bầu cử tại nơi tạm trú.

Trường hợp cử tri trở về nơi thường trú trong khoảng thời gian từ sau khi danh sách cử tri đã được niêm yết đến trước thời điểm bắt đầu bỏ phiếu 24 giờ thì đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký thường trú để đề nghị được bổ sung tên vào danh sách cử tri và nhận Thẻ cử tri bầu đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Trường hợp công dân đã đăng ký thường trú ở địa phương nhưng chưa làm thủ tục khai báo tạm vắng trước khi đi lao động, học tập tại địa phương khác thì dù trên thực tế đã vắng mặt dài ngày ở nơi thường trú, Ủy ban nhân dân cấp xã vẫn phải ghi tên công dân đó vào danh sách cử tri để họ thực hiện quyền bầu cử ở địa phương, trừ trường hợp bản thân cử tri hoặc người thân của cử tri đó đã thông báo nguyện vọng của cử tri về việc không tham gia bỏ phiếu ở nơi thường trú. Đồng thời cần có biện pháp thông tin phù hợp để cử tri biết về việc danh sách cử tri và thực hiện quyền bầu cử của mình.

**Câu 35. Cử tri là sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học hoặc là công**

**nhân khu công nghiệp có thể được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở giáo dục hoặc nơi có khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp để tiện cho việc tham gia bỏ phiếu có được không?**

Về nguyên tắc, cử tri là sinh viên, công nhân cần đăng ký để được ghi tên vào danh sách cử tri nơi mình thường trú hoặc tạm trú.

Trường hợp trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp được thành lập khu vực bỏ phiếu riêng thì cử tri là cán bộ, giáo viên, sinh viên, công nhân không thường trú hoặc tạm trú trong khu ký túc xá hoặc khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp mà có nguyện vọng tham gia bầu cử tại khu vực bỏ phiếu nơi có trường đại học, cao đẳng hoặc khu công nghiệp (để thuận lợi hơn cho công việc và sinh hoạt của bản thân) có quyền xin cấp giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri (theo Mẫu số 12/HĐBC) để được bổ sung vào danh sách cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh theo khu vực bỏ phiếu mới.

**Câu 36. Những người tạm vắng khỏi nơi cư trú kể từ ngày danh sách cử tri được niêm yết cho đến ngày bỏ phiếu vì các lý do khác nhau thì thực hiện quyền bầu cử ở đâu?**

Từ khi niêm yết danh sách cử tri cho đến ngày bầu cử, nếu cử tri nào vì đi nơi khác, không thể tham gia bỏ phiếu ở nơi mình đã được ghi tên vào danh sách cử tri (ví dụ như đi công tác, đi học, du lịch, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, thăm thân...) thì có thể xin giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình đã có tên trong danh sách cử tri (theo Mẫu số 12/HĐBC) để được bổ sung tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu bầu đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ở nơi mình có thể tham gia bỏ phiếu. Khi cấp giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân cấp xã phải ghi ngay vào danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu thuộc địa phương mình bên cạnh tên cử tri cụm từ “Bỏ phiếu ở nơi khác”.

Trường hợp người đã được ghi tên vào danh sách cử tri ở 01 khu vực bỏ phiếu nhưng gần đến ngày bầu cử được chuyển đi cách ly y tế tập trung ở địa phương khác cho đến hết ngày bầu cử theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và không thể thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận để đi bỏ phiếu ở nơi khác như đã nêu ở trên thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã lập danh sách cử tri có trách nhiệm nắm thông tin, chủ động cấp giấy chứng nhận và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở cách ly tập trung để đề nghị bổ sung người này vào danh sách cử tri và cấp Thẻ cử tri mới nhằm giúp họ thực hiện quyền bầu cử theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân nơi đã lập danh sách cử tri ban đầu có trách nhiệm cập nhật vào danh sách cử tri cùng dòng với họ và tên của người bị đưa đi cách ly tập trung nội dung ghi chú “bỏ phiếu ở nơi khác do cách ly y tế”.

**Câu 37. Thế nào là người được giới thiệu ứng cử và thế nào là người tự ứng cử?**

*Người được giới thiệu ứng cử* là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan lực lượng vũ trang hoặc người lao động tiêu biểu, xuất sắc đang công tác tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc thành viên tiêu biểu của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, người của thôn, tổ dân phố bảo đảm đủ tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và được các cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc thôn, tổ dân phố (đối với ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã) lựa chọn theo thủ tục nhất định để giới thiệu ra ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và đã hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử theo đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

*Người tự ứng cử* là người tự thấy mình có đủ tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử đại biểu Quốc hội hay đủ tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, có nguyện vọng ứng cử đại biểu Quốc hội hoặc ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và đã hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử theo đúng quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

### **Câu 38. Người ứng cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn nào?**

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng các tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Luật Tổ chức Quốc hội và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Theo các quy định mới được sửa đổi, bổ sung của 02 đạo luật nói trên thì đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- Trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp, phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.

- Có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật; có bản lĩnh, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền và các hành vi vi phạm pháp luật khác.

- Có trình độ văn hóa, chuyên môn, có đủ năng lực, sức khỏe, kinh nghiệm công tác và uy tín để thực hiện nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, được Nhân dân tín nhiệm.

- Có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội, hoạt động của Hội đồng nhân dân.



Người tự ứng cử, người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của địa phương nào thì phải là người đang cư trú hoặc công tác thường xuyên ở địa phương đó.

Ngoài ra, đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội đang công tác tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước ngoài việc đảm bảo các tiêu chuẩn chung còn phải là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiêu biểu, xuất sắc; có quan điểm, lập trường chính trị vững vàng, có năng lực phân tích, hoạch định chính sách, xây dựng pháp luật, có chuyên môn, kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với vị trí dự kiến, thể hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

Đối với người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đang công tác tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước nói chung phải là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiêu biểu; có tư tưởng chính trị vững vàng; có năng lực xây dựng chính sách và khả năng tổ chức hoạt động giám sát, có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn phù hợp với vị trí dự kiến; thể hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, không vi phạm quy định về những điều đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

Không giới thiệu và đưa vào danh sách ứng cử người có biểu hiện cơ hội chính trị, tham vọng quyền lực; có tư tưởng cục bộ, bảo thủ, trì trệ; đang bị thanh tra, kiểm tra dấu hiệu vi phạm; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra vụ, việc tham nhũng, lãng phí, mất đoàn kết; những người vi phạm Quy định số 126-QĐ/TW ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Bộ Chính trị hoặc có vấn đề về chính trị chưa được kết luận. Kiên quyết không để lọt những người không xứng đáng, những người chạy chức, chạy quyền tham gia Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Ngoài các tiêu chuẩn chung nói trên, người được giới thiệu ứng cử để làm làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách còn cần đáp ứng thêm một số tiêu chuẩn cao hơn về trình độ chuyên môn, vị trí công tác đang đảm nhiệm, về tình hình sức khỏe và độ tuổi ứng cử, tái cử (nêu cụ thể tại Hướng dẫn số 36-HD/BTCTW ngày 20 tháng 01 năm 2021).

### **Câu 39. Người nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân?**

Những người không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân gồm có:

- Người chưa đủ 21 tuổi.
- Người đang bị tước quyền ứng cử theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, người đang chấp hành hình phạt tù, người bị hạn chế hoặc

mất năng lực hành vi dân sự.

- Người đang bị khởi tố bị can.
- Người đang chấp hành bản án, quyết định hình sự của Tòa án.
- Người đã chấp hành xong bản án, quyết định hình sự của Tòa án nhưng chưa được xóa án tích.
- Người đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

**Câu 40. Thế nào là “có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”?**

Căn cứ vào Luật Quốc tịch Việt Nam, người có quốc tịch Việt Nam là công dân Việt Nam được xác định theo các căn cứ quy định tại Chương II của Luật này. Người có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam phải là người không đồng thời có quốc tịch của một quốc gia khác. Về nguyên tắc, người đang có quốc tịch nước ngoài, người có nguyện vọng và đang thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch của quốc gia khác đều không đủ điều kiện để ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Do đó, trong phân khai về quốc tịch trong đơn ứng cử và các tài liệu khác trong hồ sơ ứng cử, Hội đồng bầu cử quốc gia đã hướng dẫn người ứng cử cần ghi rõ: *“Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác”*. Người ứng cử phải cam đoan về các nội dung mình đã khai. Nếu phát hiện thông tin không đúng sự thật, không như nội dung đã kê khai thì người ứng cử phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và tùy theo nội dung, mức độ vi phạm mà có thể bị loại khỏi danh sách người ứng cử; nếu đã trúng cử thì sẽ không được công nhận tư cách đại biểu hoặc bị bãi nhiệm đại biểu.

**Câu 41. Một người có thể đồng thời ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp khác nhau được không?**

Công dân chỉ được nộp hồ sơ ứng cử làm đại biểu Hội đồng nhân dân tối đa ở 02 cấp trong cùng một nhiệm kỳ; nếu đã nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội thì chỉ được nộp thêm hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở 01 cấp nữa.

Trường hợp người ứng cử vi phạm quy định nói trên (ví dụ như nộp đơn ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cả ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) thì sẽ bị coi là có vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử và bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở tất cả các cấp mà người đó đã nộp hồ sơ ứng cử; nếu sau khi có kết quả bầu cử mới bị phát hiện thì không được công nhận tư cách đại biểu ở tất cả các cấp mà người đó đã trúng cử.

**Câu 42. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân**

**có thể là thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử được không?**

Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân không được làm thành viên Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị bầu cử hay khu vực bỏ phiếu nơi mình có tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử; nếu đã là thành viên của Ban bầu cử hoặc Tổ bầu cử ở đơn vị mình ứng cử thì người ứng cử phải rút ra khỏi danh sách thành viên của tổ chức phụ trách bầu cử đó kể từ ngày được ghi tên vào Danh sách chính thức những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử.

**Câu 43. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm những gì?**

Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm có:

- Đơn ứng cử.
- Sơ yếu lý lịch có đóng dấu giáp lai và xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người ứng cử công tác hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người ứng cử cư trú.
- Tiểu sử tóm tắt.
- Mỗi bộ hồ sơ ứng cử của người ứng cử gửi kèm theo 03 ảnh chân dung màu, nền trắng, cỡ 4cm x 6cm (không kể ảnh dán trên Sơ yếu lý lịch và Tiểu sử tóm tắt), ảnh được chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ ứng cử.
- Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

**Câu 44. Thời hạn và việc nộp hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào?**

*Chậm nhất là ngày 14 tháng 3 năm 2021* (70 ngày trước ngày bầu cử), người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) phải hoàn thành việc nộp hồ sơ ứng cử.

Việc nộp hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như sau:

- Người được tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan nhà nước ở trung ương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Hội đồng bầu cử quốc gia (qua Tổ giúp việc Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia, địa chỉ: Nhà Quốc hội, số 01 đường Độc Lập, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội).

- Người được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội và người tự ứng cử đại biểu Quốc hội nộp 02 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi mình cư trú hoặc công tác thường xuyên.

- Người ứng cử được cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nộp 01 bộ hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở đơn vị hành chính mà mình ứng cử.

Ủy ban bầu cử các cấp có trách nhiệm thông báo công khai về địa điểm và thời gian tiếp nhận hồ sơ ứng cử trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

Trường hợp người ứng cử không tự mình đến nộp hồ sơ ứng cử được thì có thể ủy quyền cho người đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị của người ứng cử đến nộp hồ sơ cho mình; người đại diện phải có giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

Thời hạn nhận hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và hồ sơ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 là trong giờ hành chính các ngày trong tuần, *bắt đầu từ ngày 22 tháng 02 năm 2021 và kết thúc vào 17 giờ 00 ngày 14 tháng 3 năm 2021*. Riêng thứ Bảy, ngày 13 tháng 3 năm 2021 và Chủ nhật, ngày 14 tháng 3 năm 2021, Tiểu ban Nhân sự của Hội đồng bầu cử quốc gia và Ủy ban bầu cử các cấp cử người trực để nhận hồ sơ ứng cử.

Người được phân công tiếp nhận hồ sơ ứng cử có trách nhiệm nhận, kiểm tra kỹ hồ sơ; nếu các tài liệu trong hồ sơ đã đầy đủ, ghi đủ thông tin theo đúng yêu cầu trong mẫu và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia thì điền thông tin vào Sổ tiếp nhận và Giấy biên nhận; ký và giao Giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ ứng cử.

**Câu 45. Các khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và các khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử được thực hiện như thế nào?**

Công dân có quyền tố cáo về người ứng cử, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử. Việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị được thực hiện như sau:

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Hội đồng bầu cử quốc gia. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng.

- Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được gửi tới Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng.

Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

- Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia phải ghi vào sổ và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị nhận được theo thẩm quyền.

Không xem xét, giải quyết đối với những đơn tố cáo không có họ, tên người tố cáo hoặc mạo danh người khác để tố cáo.

**Câu 46. Việc thay đổi, đính chính hồ sơ ứng cử có thể được thực hiện như thế nào?**

Trường hợp từ sau khi nộp hồ sơ ứng cử đến trước khi công bố Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân mà người ứng cử có sự thay đổi một số thông tin trong hồ sơ ứng cử đã nộp như nơi ở, nghề nghiệp hoặc trình độ, các hình thức khen thưởng... mà không ảnh hưởng đến tiêu chuẩn, điều kiện ứng cử, thì Hội đồng bầu cử quốc gia hoặc Ủy ban bầu cử nơi đã nhận hồ sơ ứng cử hướng dẫn người ứng cử làm văn bản gửi Ủy ban bầu cử đề nghị đính chính, ghi rõ những thay đổi trong hồ sơ và cam đoan việc đính chính là đúng sự thật, nếu sai thì người ứng cử phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội đã nộp hồ sơ ứng cử tại Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì sau khi nhận được văn bản đề nghị đính chính của người ứng cử, Ủy ban bầu cử cần báo cáo ngay bằng văn bản đến Hội đồng bầu cử quốc gia về việc đính chính hồ sơ của người ứng cử kèm theo văn bản, tài liệu đính chính mà người ứng cử đại biểu đã nộp trước đó để thực hiện việc đính chính.

Trường hợp sau khi Danh sách chính thức những người ứng cử theo từng đơn vị bầu cử đã được công bố và niêm yết thì không thực hiện việc đính chính và in lại danh sách và tiêu sử tóm tắt những người ứng cử để thay thế cho nội dung đã công bố, niêm yết nữa, song Ủy ban bầu cử cần cập nhật thông tin vào danh sách khi công bố kết quả bầu cử; trường hợp nội dung đính chính liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội thì cần báo cáo bằng văn bản đến Hội đồng bầu cử quốc gia để thống nhất trong việc cập nhật và công bố thông tin.

**Câu 47. Thời hạn tạm ngừng việc xem xét khiếu nại, tố cáo đối với người ứng cử được quy định như thế nào?**

Trong thời hạn 10 ngày trước ngày bầu cử (tức là từ ngày 13 tháng 5 năm 2021 trở đi), Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử.

Trong trường hợp những khiếu nại, tố cáo đã rõ ràng, có đủ cơ sở kết luận người ứng cử không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng bầu cử quốc gia (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) quyết định xóa tên người đó trong danh sách chính thức những người ứng cử trước ngày bầu cử và thông báo cho cử tri biết.

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử ở cấp tỉnh, Ủy ban bầu cử ở cấp huyện, Ủy ban bầu cử ở cấp xã chuyển toàn bộ hồ sơ về khiếu nại, tố cáo chưa được giải quyết đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV (đối với bầu cử đại biểu Quốc hội) hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 – 2026 ở cấp tương ứng (đối với bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân) để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

**Câu 48. Các trường hợp nào bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân?**

Người có tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội đã được Hội đồng bầu cử quốc gia công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Hội đồng bầu cử quốc gia xóa tên người đó trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội.

Người có tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã được Ủy ban bầu cử công bố mà đến thời điểm bắt đầu bỏ phiếu bị khởi tố bị can, bị bắt, giữ vì phạm tội quả tang, bị mất năng lực hành vi dân sự, chết hoặc vi phạm nghiêm trọng pháp luật về bầu cử thì Ủy ban bầu cử, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, quyết định xóa tên người đó trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình.

**Câu 49. Việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?**

Việc giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiến hành trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 02 năm 2021 đến ngày 11 tháng 3 năm 2021.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân bổ giới thiệu người ứng cử thực hiện việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo các bước sau đây:

1. Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị họp để dự kiến người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được giới thiệu ứng cử.

2. Tổ chức hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử.

3. Trên cơ sở ý kiến nhận xét và tín nhiệm của hội nghị cử tri nơi công tác hoặc nơi làm việc của người được dự kiến giới thiệu ứng cử, ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức hội nghị ban lãnh đạo mở rộng để thảo luận, giới thiệu người ứng cử.

Căn cứ vào kết quả của hội nghị ban lãnh đạo mở rộng, cơ quan, tổ chức,

đơn vị có trách nhiệm hướng dẫn người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình được lựa chọn, giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân làm hồ sơ ứng cử theo quy định tại Điều 35 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và hướng dẫn của Hội đồng bầu cử quốc gia.

**Câu 50. Cuộc họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào?**

Cuộc họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị để dự kiến người giới thiệu ứng cử do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì với thành phần dự họp gồm Ban lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội; Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban chấp hành Công đoàn đối với cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp hoặc ban chỉ huy đơn vị đối với đơn vị vũ trang nhân dân.

Thủ tục tổ chức cuộc họp ban lãnh đạo được thực hiện như sau:

- Đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, chỉ huy đơn vị vũ trang nhân dân giới thiệu mục đích, yêu cầu của cuộc họp, dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng người được phân bổ giới thiệu ứng cử, tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và các bước tiến hành để lập danh sách giới thiệu người ứng cử.

- Những người dự họp thảo luận về dự kiến giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình ứng cử để lấy ý kiến nhận xét của hội nghị cử tri trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Cuộc họp thông qua biên bản.

**Câu 51. Hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử được tổ chức như thế nào?**

Hội nghị cử tri nơi công tác để lấy ý kiến đối với người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tổ chức ở nơi người ứng cử đang công tác hoặc làm việc (nếu có). Trường hợp người ứng cử có nhiều nơi công tác hoặc nơi làm việc thì tổ chức lấy ý kiến của cử tri nơi người đó công tác hoặc làm việc thường xuyên.

*Hình thức tổ chức hội nghị được quy định như sau:*

- Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là hai phần ba tổng số cử tri được triệu tập.

- Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể

hoặc hội nghị đại diện cử tri và phải bảo đảm có ít nhất là 70 cử tri tham dự hội nghị. Tùy đặc điểm, tình hình thực tế của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban chấp hành Công đoàn phối hợp với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người để các tổ chức Công đoàn trực thuộc cử đại diện tham dự; trường hợp không có tổ chức Công đoàn thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phân bổ số lượng người để các đơn vị trực thuộc cử đại diện tham dự.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được mời tham dự hội nghị.

*Việc triệu tập và chủ trì hội nghị cử tri nơi công tác được thực hiện như sau:*

- Người ứng cử đang công tác chuyên trách tại cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn của cơ quan, tổ chức đó triệu tập và chủ trì hội nghị, trừ trường hợp người được giới thiệu ứng cử là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Người ứng cử là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tại Đoàn đại biểu Quốc hội thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội (nơi chưa thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) tổ chức. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang công tác tại Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (nơi chưa thành lập Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổ chức. Người ứng cử đang công tác tại Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức. Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh hoặc Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân đang là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác do Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức. Người đứng



đầu cơ quan phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử đang công tác tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và các cơ quan khác của Nhà nước thì người đứng đầu cơ quan phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ quan triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử làm việc tại đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế thì người đứng đầu đơn vị, tổ chức phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử công tác tại Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã hoặc là công chức xã, phường, thị trấn thì việc lấy ý kiến cử tri nơi công tác được thực hiện tại hội nghị liên tịch giữa Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Người đứng đầu Đảng ủy cấp xã triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Người ứng cử công tác ở các đơn vị vũ trang nhân dân thì do lãnh đạo, chỉ huy đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là người ứng cử thì cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn triệu tập và chủ trì hội nghị.

- Trường hợp nơi công tác hoặc nơi làm việc của người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân chưa có tổ chức Công đoàn thì người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị triệu tập và chủ trì hội nghị.

Trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị cử tri nơi công tác được thực hiện tương tự như đối với hội nghị cử tri nơi cư trú. Biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị; trong đó, phải ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số lượng cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người được dự kiến giới thiệu ứng cử (lập theo Mẫu số 01/HNCT).

Trường hợp người được dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà không đạt tín nhiệm của 50% tổng số cử tri tham dự hội nghị cử tri nơi công tác thì Ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức lựa chọn, giới thiệu người khác. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị không có người đủ điều kiện để dự kiến giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo số lượng đã được phân bổ thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp đã thông báo về việc phân bổ chỉ tiêu giới thiệu người ứng cử để đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tương ứng điều chỉnh cơ cấu, thành phần, số lượng người được giới thiệu

ứng cử của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Trường hợp người được đưa ra lấy ý kiến là người tự ứng cử đại biểu Quốc hội (tổ chức sau Hội nghị hiệp thương lần 2) thì thành phần, trình tự, thủ tục tổ chức hội nghị cử tri ở nơi công tác được thực hiện tương tự như đối với hội nghị lấy ý kiến về người được dự kiến giới thiệu ứng cử. Biên bản hội nghị cử tri nơi công tác đối với người tự ứng cử được lập theo Mẫu số 02/HNCT và phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

**Câu 52. Việc dự kiến, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào?**

Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Chi hội trưởng các đoàn thể hợp với Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố để thảo luận, dự kiến người của thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã theo thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần.

*Thủ tục tổ chức cuộc họp này được thực hiện như sau:*

- Trưởng ban công tác Mặt trận giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị, cử Thư ký hội nghị và đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng, cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Trưởng ban công tác Mặt trận nêu dự kiến người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Các thành viên tham gia cuộc họp thảo luận và nhận xét về người được dự kiến giới thiệu ứng cử.

- Trưởng ban công tác Mặt trận tổng hợp ý kiến và kết luận cuộc họp.

- Hội nghị thông qua biên bản cuộc họp (theo Mẫu số 03/HNMT).

Trên cơ sở kết quả của cuộc họp này, Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố gửi giấy mời cử tri ở thôn, tổ dân phố tham dự hội nghị cử tri giới thiệu người của thôn, tổ dân phố ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập. Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị. Toàn thể thành viên Ban công tác Mặt trận; Trưởng thôn, Phó

trưởng thôn hoặc Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân phố và đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã được mời tham dự hội nghị này.

*Thủ tục tổ chức hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như sau:*

- Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban công tác Mặt trận chủ trì hội nghị cử tri, tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu dự hội nghị; giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị; giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định; báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt.

- Người chủ trì hội nghị đọc thông báo của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã về việc phân bổ số lượng và cơ cấu, thành phần người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử; đọc tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Đại diện Ban công tác Mặt trận đọc danh sách do Ban công tác Mặt trận dự kiến những người của thôn, tổ dân phố để giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã. Cử tri có thể giới thiệu thêm người ứng cử để hội nghị xem xét.

- Hội nghị thảo luận về những người được giới thiệu ứng cử.

- Hội nghị quyết định biểu quyết danh sách chính thức những người của thôn, tổ dân phố được giới thiệu ứng cử bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người được giới thiệu ứng cử. Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu tín nhiệm của cử tri phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc dấu của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu tín nhiệm ghi rõ họ và tên của những người được hội nghị cử tri dự kiến giới thiệu ứng cử. Nếu có nhiều người được giới thiệu ứng cử thì ghi rõ họ và tên của những người được giới thiệu ứng cử, xếp theo vần chữ cái A, B, C... Cử tri gạch tên người được giới thiệu ứng cử mà mình không tín nhiệm và bỏ vào hòm phiếu.

Người được giới thiệu ứng cử là người được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm. Trường hợp có nhiều người cùng được trên 50% tổng số cử tri có mặt tín nhiệm thì người được giới thiệu ứng cử được xác định theo kết quả biểu quyết tính từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng được phân bổ; trường hợp kết quả biểu quyết ngang nhau thì người chủ trì hội nghị lập danh sách những người đó để hội nghị biểu quyết lại và lấy người có kết quả biểu quyết cao hơn mà không cần phải đạt trên 50% tổng số cử tri có mặt. Trường hợp biểu quyết lại mà kết quả biểu quyết vẫn ngang nhau thì việc có biểu quyết tiếp hay không do hội nghị quyết định.

- Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản hội nghị (theo Mẫu số 04/HNCT).

Ban công tác Mặt trận chuyển biên bản hội nghị cử tri ở thôn, tổ dân phố về việc thảo luận, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

**Câu 53. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào?**

Ngay sau Hội nghị hiệp thương lần thứ hai, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức họp với đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Quốc hội cư trú và đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử để hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh tổ chức hội nghị hiệp thương họp với người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân; đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp dưới trực tiếp (đối với cấp xã thì mời các Trưởng ban công tác Mặt trận trên địa bàn), Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã nơi có người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện cư trú để hướng dẫn việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có tên trong danh sách sơ bộ; lấy ý kiến cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

Việc tổ chức hội nghị lấy ý kiến nhận xét và tín nhiệm của cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân và cử tri nơi công tác (nếu có) đối với người tự ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, người được thôn, tổ dân phố giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được thực hiện *trong khoảng thời gian từ ngày 21 tháng 3 năm 2021 đến ngày 13 tháng 4 năm 2021* (từ sau khi kết thúc Hội nghị hiệp thương lần thứ hai đến trước khi bắt đầu Hội nghị hiệp thương lần thứ ba).

Hội nghị cử tri nơi cư trú để lấy ý kiến đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân (gồm người được giới thiệu ứng cử và người tự ứng cử) được tổ chức tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử thường trú hoặc tạm trú. Trường hợp không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì tổ chức hội nghị cử tri tại thôn, tổ dân phố nơi người ứng cử đang sinh sống. Trường hợp người ứng cử cư trú tại khu chung cư, khu đô thị chưa có tổ dân phố thì tổ chức hội nghị cử tri tại khu chung cư hoặc khu đô thị nơi người đó sinh sống để lấy ý kiến đối với người ứng cử.

*Hình thức tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú được thực hiện như sau:*

- Đối với nơi có dưới 100 cử tri thì tổ chức hội nghị toàn thể cử tri để lấy ý

kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và phải bảo đảm số lượng cử tri tham dự hội nghị đạt ít nhất là 50% tổng số cử tri được triệu tập.

- Đối với nơi có từ 100 cử tri trở lên thì có thể tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị cử tri đại diện hộ gia đình và phải bảo đảm có ít nhất là 55 cử tri tham dự hội nghị.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã, người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, thôn, tổ dân phố đã giới thiệu người ứng cử được mời tham dự hội nghị.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triệu tập và chủ trì hội nghị. Trưởng ban công tác Mặt trận phối hợp với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách và mời cử tri đến dự hội nghị. Trường hợp tổ chức hội nghị cử tri tại khu chung cư hoặc khu đô thị chưa được tách hay thành lập tổ dân phố riêng thì Trưởng ban công tác Mặt trận đang phụ trách địa bàn nơi có khu chung cư, khu đô thị phối hợp với Ban quản trị hoặc Ban quản lý khu chung cư, Ban quản trị khu đô thị (nếu có) lập danh sách và mời cử tri cư trú tại tòa nhà khu chung cư hoặc khu đô thị đến dự hội nghị.

*Thủ tục tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú được thực hiện như sau:*

- Người chủ trì hội nghị tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu dự hội nghị. Người chủ trì có trách nhiệm sau đây:

+ Giới thiệu mục đích, yêu cầu của hội nghị.

+ Giới thiệu Thư ký hội nghị để hội nghị quyết định.

+ Báo cáo về số lượng cử tri được mời, số lượng cử tri có mặt.

+ Giới thiệu danh sách người ứng cử.

+ Đọc tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội quy định tại Điều 22 của Luật Tổ chức Quốc hội (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội), tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (đối với hội nghị cử tri lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân) và những trường hợp không được ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân quy định tại Điều 37 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

- Thư ký hội nghị đọc tiểu sử tóm tắt của từng người ứng cử.

- Cử tri phát biểu ý kiến đối với từng người ứng cử. Cử tri đối chiếu với tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, nhận xét, bày tỏ sự tín nhiệm đối với người ứng cử.

- Người ứng cử phát biểu.

- Đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu người ứng cử phát biểu ý kiến.

- Hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hội nghị cử Tổ kiểm phiếu gồm từ 03 đến 05 người. Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức giơ tay thì Tổ kiểm phiếu đếm, tính kết quả biểu quyết đối với từng người ứng cử. Trường hợp hội nghị biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín thì phiếu tín nhiệm của cử tri nơi công tác phải đóng dấu của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc Ban chấp hành Công đoàn của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; phiếu tín nhiệm của cử tri nơi cư trú phải đóng dấu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã hoặc của Ủy ban nhân dân cùng cấp. Trên phiếu tín nhiệm ghi rõ họ và tên người ứng cử. Nếu có nhiều người ứng cử thì ghi rõ họ và tên của những người ứng cử, xếp theo vần chữ cái A, B, C... Cử tri gạch tên người ứng cử mà mình không tín nhiệm và bỏ vào hòm phiếu.

- Tổ trưởng Tổ kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết.

- Hội nghị thông qua biên bản hội nghị cử tri (theo Mẫu số 02/HNCT).

Biên bản hội nghị cử tri phải ghi rõ thành phần, số lượng người tham dự, diễn biến, kết quả hội nghị; trong đó, phải ghi rõ tổng số cử tri được triệu tập, số lượng cử tri có mặt, ý kiến phát biểu và sự tín nhiệm của cử tri đối với từng người ứng cử.

Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở trung ương giới thiệu phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người ứng cử đại biểu Quốc hội được cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương giới thiệu, người tự ứng cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

Biên bản hội nghị cử tri nơi cư trú lấy ý kiến về người được cơ quan, tổ chức, đơn vị giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, biên bản hội nghị cử tri lấy ý kiến về người tự ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tổ chức hội nghị hiệp thương ngay sau khi kết thúc hội nghị cử tri.

#### **Câu 54. Vận động bầu cử là gì và phải bảo đảm những yêu cầu gì?**

Vận động bầu cử của người ứng cử là hoạt động gặp gỡ, tiếp xúc cử tri hoặc thông qua phương tiện thông tin đại chúng để người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân báo cáo với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nhằm thực hiện trách nhiệm đại biểu nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và trao đổi những vấn đề mà cử tri quan tâm; tạo điều kiện để cử tri tiếp xúc với người ứng cử, hiểu rõ hơn người ứng cử; trên cơ sở đó cân nhắc, lựa chọn, bầu những người đủ tiêu chuẩn làm đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

Việc tổ chức vận động bầu cử phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Việc vận động bầu cử được tiến hành dân chủ, công khai, bình đẳng, đúng pháp luật, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.
- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở đơn vị bầu cử nào thì thực hiện vận động bầu cử tại đơn vị bầu cử đó.
- Thời gian vận động bầu cử được bắt đầu từ ngày công bố danh sách chính thức những người ứng cử và kết thúc trước thời gian bỏ phiếu 24 giờ.
- Các tổ chức phụ trách bầu cử và thành viên của các tổ chức này không được vận động cho người ứng cử.

**Câu 55. Người ứng cử được sử dụng các hình thức vận động bầu cử nào?**

Việc vận động bầu cử của người ứng cử được tiến hành bằng các hình thức sau đây:

- Gặp gỡ, tiếp xúc với cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri ở địa phương nơi mình ứng cử.
- Thông qua phương tiện thông tin đại chúng.

**Câu 56. Hội nghị tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử do ai tổ chức và có những nội dung gì?**

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân ở đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, cấp xã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tại đơn vị bầu cử tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri cho những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình. Thành phần tham dự hội nghị tiếp xúc cử tri gồm đại diện các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cử tri ở địa phương.

Ủy ban nhân dân nơi tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri có trách nhiệm thông báo về thời gian, địa điểm tổ chức hội nghị để cử tri tham dự đông đủ.

**Câu 57. Việc vận động bầu cử thông qua các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào?**

Người ứng cử đại biểu Quốc hội trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Quốc hội khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương nơi mình ứng cử và trên trang thông tin điện tử về bầu cử đại biểu Quốc hội của Hội đồng bầu cử quốc gia.

Người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trình bày với cử tri về dự kiến chương trình hành động của mình nếu được bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân khi trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương và trên trang thông tin điện tử về bầu cử của Ủy ban bầu cử (nếu có).

Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan quản lý trang thông tin điện tử thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc đăng tải nội dung vận động bầu cử.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc đăng tải, thông tin chương trình hành động của người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

**Câu 58. Trong vận động bầu cử, pháp luật cấm những hành vi nào?**

Những hành vi bị cấm trong vận động bầu cử gồm:

- Lợi dụng vận động bầu cử để tuyên truyền trái với Hiến pháp và pháp luật hoặc làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân khác.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng phương tiện thông tin đại chúng trong vận động bầu cử.

- Lợi dụng vận động bầu cử để vận động tài trợ, quyên góp ở trong nước và nước ngoài cho tổ chức, cá nhân mình.

- Sử dụng hoặc hứa tặng, cho, ủng hộ tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất để lôi kéo, mua chuộc cử tri.

- Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử không được vận động bầu cử cho những người ứng cử. Thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử nói trên không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để vận động bầu cử cho những người ứng cử nhằm bảo đảm sự công bằng, bình đẳng đối với những người ứng cử.

**Câu 59. Ngày bầu cử được quy định như thế nào?**

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định ngày bầu cử phải là ngày Chủ nhật và được công bố chậm nhất là 115 ngày trước ngày bầu cử. Trường hợp đặc biệt cần hoãn ngày bỏ phiếu hoặc bỏ phiếu sớm hơn ngày quy định thì Ủy ban bầu cử trình Hội đồng bầu cử quốc gia xem xét, quyết định.

Căn cứ vào quy định nói trên, Quốc hội khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 133/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 quyết định rõ Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 là Chủ nhật, ngày 23 tháng 5 năm 2021.

**Câu 60. Vào ngày bầu cử, việc bỏ phiếu được bắt đầu và kết thúc khi nào? Việc bỏ phiếu có thể bắt đầu sớm và kết thúc sớm hoặc muộn hơn**



**không?**

Trong ngày bầu cử đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, công bố, việc bỏ phiếu sẽ được bắt đầu từ 07 giờ sáng và thực hiện liên tục cho đến 07 giờ tối cùng ngày. Tùy tình hình địa phương, Tổ bầu cử có thể quyết định cho bắt đầu việc bỏ phiếu sớm hơn nhưng không được trước 05 giờ sáng hoặc kết thúc muộn hơn nhưng không được quá 09 giờ tối cùng ngày.

Trường hợp gần đến giờ kết thúc việc bỏ phiếu theo quy định mà vẫn còn cử tri chưa thực hiện xong việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử có trách nhiệm thông báo đến các cử tri còn ở trong khu vực phòng bỏ phiếu về việc chuẩn bị kết thúc thời gian bỏ phiếu và đề nghị cử tri khẩn trương hoàn thành việc bỏ phiếu. Tổ bầu cử thực hiện việc đóng hòm phiếu vào đúng thời gian đã quy định, không phụ thuộc vào việc cử tri đã bỏ phiếu hết hay chưa.

Việc bỏ phiếu phải được tiến hành liên tục. Trong trường hợp có sự kiện bất ngờ làm gián đoạn việc bỏ phiếu thì Tổ bầu cử phải lập tức niêm phong hòm phiếu, tài liệu liên quan trực tiếp đến cuộc bầu cử, kịp thời báo cáo cho Ban bầu cử, đồng thời phải có những biện pháp cần thiết để việc bỏ phiếu được tiếp tục.

Trường hợp chưa hết thời gian bỏ phiếu theo quy định mà đã có 100% người trong danh sách cử tri tại khu vực bỏ phiếu đã tham gia bỏ phiếu thì Tổ bầu cử cũng không được tuyên bố kết thúc cuộc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu trước thời điểm 07 giờ tối cùng ngày. Do đó, về nguyên tắc, các Tổ bầu cử, thành viên các Tổ bầu cử có thể vận động, tuyên truyền để cử tri tích cực tham gia bỏ phiếu, thực hiện quyền bầu cử của mình nhưng không được thúc giục, ép buộc cử tri phải đi bỏ phiếu sớm để kết thúc sớm việc bỏ phiếu.

**Câu 61. Việc bỏ phiếu được thực hiện như thế nào?**

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân quy định về nguyên tắc bỏ phiếu như sau:

- Mỗi cử tri có quyền bỏ một phiếu bầu đại biểu Quốc hội và bỏ một phiếu bầu đại biểu Hội đồng nhân dân tương ứng với mỗi cấp Hội đồng nhân dân.
- Cử tri phải tự mình đi bầu cử, không được nhờ người khác bầu cử thay.
- Khi cử tri viết phiếu bầu, không ai được xem, kể cả thành viên Tổ bầu cử.
- Nếu viết hỏng, cử tri có quyền đổi phiếu bầu khác.
- Khi cử tri bỏ phiếu xong, Tổ bầu cử có trách nhiệm đóng dấu “Đã bỏ phiếu” vào Thẻ cử tri.
- Mọi người phải tuân theo nội quy phòng bỏ phiếu.

**Câu 62. Việc cử tri ghi phiếu bầu cử được thực hiện như thế nào?**

Tổ bầu cử có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể cử tri cách thức bỏ phiếu. Nếu cử tri không tín nhiệm người ứng cử nào thì gạch ngang cả họ và tên người ứng

cử đó (gạch đề lên hàng chữ họ và tên người ứng cử); không khoanh tròn; không được đánh dấu trên phiếu bầu; không được viết thêm, không được ghi tên người ngoài danh sách ứng cử vào phiếu bầu; không bầu quá số đại biểu được ấn định trong phiếu bầu; không để nguyên phiếu bầu đối với phiếu bầu có số dư người ứng cử (không gạch tên người ứng cử nào) hoặc gạch tất cả người ứng cử trong phiếu bầu.

Trường hợp có phiếu gạch chéo, gạch xiên, gạch dọc hoặc gạch ngang nhưng gạch hết họ và tên của người ứng cử thì vẫn được tính là phiếu hợp lệ.

Trường hợp người ứng cử có hai tên (tên khai sinh, tên thường gọi) hoặc có chức vị, pháp danh, pháp hiệu theo tôn giáo, nếu cử tri không tín nhiệm người này, thì cần hướng dẫn cho cử tri gạch tất cả tên khai sinh, tên thường gọi hoặc chức vị, pháp danh, pháp hiệu tôn giáo của ứng cử viên đó. Tuy nhiên, trường hợp cử tri chỉ gạch một dòng tên khai sinh hoặc tên thường gọi; chỉ gạch một dòng tên khai sinh hoặc một dòng có chức vị, pháp danh, pháp hiệu (đối với chức sắc tôn giáo) thì phiếu bầu đó vẫn được tính là hợp lệ.

Trường hợp bên cạnh họ và tên của người ứng cử có cả ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn do có sự giống nhau cả họ, tên và tên đệm, nếu cử tri không tín nhiệm người này thì cần hướng dẫn cho cử tri gạch hết cả họ và tên và ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn. Tuy nhiên, nếu cử tri chỉ gạch họ và tên mà không gạch ngày tháng năm sinh đặt trong ngoặc đơn thì phiếu bầu đó vẫn được tính là hợp lệ.

Nếu cử tri yêu cầu đổi phiếu bầu khác do gạch hỏng, Tổ bầu cử phải thu hồi phiếu gạch hỏng của cử tri, sau đó mới được phát phiếu bầu khác.

**Câu 63. Trường hợp nào thì cử tri được nhờ người khác viết hộ phiếu, bỏ hộ phiếu bầu cử?**

Cử tri không thể tự viết được phiếu bầu cử thì được nhờ người khác viết hộ, người viết hộ phải bảo đảm bí mật phiếu bầu cử của cử tri.

Trường hợp cử tri vì khuyết tật không tự bỏ phiếu bầu cử được thì nhờ người khác bỏ phiếu vào hòm phiếu.

**Câu 64. Những phiếu bầu cử nào là phiếu bầu cử hợp lệ?**

Về nguyên tắc, phiếu bầu cử hợp lệ là phiếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Phiếu theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra.
- Phiếu có đóng dấu của Tổ bầu cử.
- Phiếu bầu đủ hoặc ít hơn số lượng đại biểu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Phiếu không ghi thêm tên người khác ngoài danh sách những người ứng cử hoặc ghi thêm nội dung khác.

**Câu 65. Những phiếu bầu cử nào là phiếu không hợp lệ?**

Những phiếu bầu cử không hợp lệ là:

- Phiếu không theo mẫu quy định do Tổ bầu cử phát ra.
- Phiếu không có dấu của Tổ bầu cử.
- Phiếu để số người được bầu nhiều hơn số lượng đại biểu được bầu đã ấn định cho đơn vị bầu cử.
- Phiếu gạch xóa họ, tên của tất cả những người ứng cử; phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách những người ứng cử hoặc phiếu có ghi thêm nội dung khác.

**Câu 66. Các khiếu nại, tố cáo tại chỗ về việc kiểm phiếu được giải quyết như thế nào?**

Những khiếu nại, tố cáo tại chỗ về những hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc kiểm phiếu do Tổ bầu cử nhận, giải quyết và ghi nội dung giải quyết vào biên bản.

Trong trường hợp Tổ bầu cử không giải quyết được thì phải ghi rõ ý kiến của Tổ bầu cử vào biên bản giải quyết khiếu nại, tố cáo và chuyển đến Ban bầu cử tương ứng.

**Câu 67. Việc công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành vào thời điểm nào?**

Hội đồng bầu cử quốc gia căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong cả nước công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh *chậm nhất là ngày 12 tháng 6 năm 2021* (hoặc 20 ngày sau ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh *chậm nhất là ngày 02 tháng 6 năm 2021* (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện *chậm nhất là ngày 02 tháng 6 năm 2021* (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

Ủy ban bầu cử ở xã, phường, thị trấn căn cứ vào biên bản tổng kết cuộc bầu cử công bố kết quả bầu cử và danh sách những người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã *chậm nhất là ngày 02 tháng 6 năm 2021* (hoặc 10 ngày sau ngày bầu cử).

**Câu 68. Thời hạn giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào?**

Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội phải được gửi đến Hội đồng bầu cử quốc gia chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội. Khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được gửi đến Ủy ban bầu cử chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

Hội đồng bầu cử quốc gia có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại. Ủy ban bầu cử có trách nhiệm xem xét, giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

**Câu 69. Việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử được quy định như thế nào?**

- Thực hiện theo Hướng dẫn số 13/HD/UBKTTW ngày 02/12/2020 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 của cấp ủy, tổ chức Đảng, ủy ban kiểm tra các cấp.

- Đối với việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Quốc hội, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Quốc hội được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ủy ban bầu cử ở tỉnh, Hội đồng bầu cử quốc gia do các cơ quan này giải quyết của Ban bầu cử, Ủy ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Hội đồng bầu cử quốc gia. Quyết định của Hội đồng bầu cử quốc gia là quyết định cuối cùng.

- Đối với việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, việc lập danh sách những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp nào thì được gửi đến Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp đó. Trường hợp người khiếu nại, tố cáo, kiến nghị không đồng ý với kết quả giải quyết của Ban bầu cử thì có quyền khiếu nại đến Ủy ban bầu cử ở cấp tương ứng. Quyết định của Ủy ban bầu cử là quyết định cuối cùng.

Trong thời gian 10 ngày trước ngày bầu cử, Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử ngừng việc xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về người ứng cử và việc lập danh sách những người ứng cử.

**Câu 70. Việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?**

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV, kết quả

giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, cấp Giấy chứng nhận đại biểu Quốc hội khóa XV cho người trúng cử và báo cáo Quốc hội khóa XV về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Quốc hội tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội.

Căn cứ vào kết quả tổng kết bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 ở cấp mình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban bầu cử các cấp tiến hành xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 của cấp mà mình chịu trách nhiệm tổ chức bầu cử, cấp Giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 cho người trúng cử và báo cáo Hội đồng nhân dân khóa mới về kết quả xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân.

Trường hợp có đơn thư tố cáo đối với người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng chưa có kết luận, kết quả xác minh, trả lời chính thức của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, thì Ủy ban bầu cử các cấp vẫn tiến hành việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp mình căn cứ vào các tài liệu, kết luận hiện có. Các nội dung tố cáo chưa có kết luận hoặc chưa được giải quyết được chuyển cho Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới để tiếp tục xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Trường hợp cơ quan chức năng đã có kết luận kiểm tra khẳng định người trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân có vi phạm và bị xử lý kỷ luật với hình thức từ khiển trách trở lên thì Ủy ban bầu cử cần xem xét, đánh giá cụ thể về tính chất, mức độ của hành vi vi phạm. Nếu đó là hành vi vi phạm pháp luật, không phù hợp với tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân là phải có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, gương mẫu chấp hành pháp luật đã được quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì Ủy ban bầu cử không công nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân đối với người này.

Trường hợp sau khi người trúng cử đã được xác nhận tư cách đại biểu Hội đồng nhân dân mà cơ quan chức năng mới có kết luận khẳng định người này có vi phạm pháp luật, không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của đại biểu Hội đồng nhân dân, không xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân khóa mới sẽ xem xét, quyết định việc tự mình báo cáo để Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp báo cáo để cử tri bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đối với người có vi phạm theo quy định tại Điều 102 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

**Câu 71. Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIV (nhiệm kỳ 2016 - 2021) đơn vị tỉnh Trà Vinh được tổ chức như thế nào?**

*Trả lời:* Đoàn Đại biểu Quốc hội khóa XIV (nhiệm kỳ 2016 - 2021) đơn vị tỉnh Trà Vinh được thành lập sau khi có kết quả bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV và chuẩn y của Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm 06 đại biểu, trong đó có 02 đại biểu nữ, 02 đại biểu dân tộc Khmer.

+ Đại biểu trung ương có đồng chí Nguyễn Thiện Nhân (công tác tại Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), ngày 15/5/2017, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết chuyển ông Nguyễn Thiện Nhân về sinh hoạt ở Đoàn đại biểu Quốc thành phố Hồ Chí Minh), từ đó Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh giảm còn 05 đại biểu công tác tại các cơ quan ở địa phương.

+ 05 đồng chí đại biểu địa phương gồm: Ngô Chí Cường, Thạch Phước Bình, Tăng Thị Ngọc Mai, Hứa Văn Nghĩa, Trần Thị Huyền Trân.

- Đoàn đã bầu ông Ngô Chí Cường, Phó Bí Thư thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn (Tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 Ông được bầu giữ chức vụ Bí Thư Tỉnh ủy và Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII Ông cũng đã được bầu vào Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng); bầu ông Thạch Phước Bình, làm đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương (Ngày 25/7/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu ông Thạch Phước Bình, Tỉnh ủy viên, đại biểu Quốc hội chuyên trách giữ chức vụ Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách khóa XIV đơn vị tỉnh Trà Vinh).

## **Câu 72. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021?**

*Trả lời:*

Tổng số đại biểu là 3.225 đại biểu; trong đó cấp tỉnh là 49 đại biểu, cấp huyện là 297 đại biểu; cấp xã 2.879 đại biểu (trong đó, có 771 đại biểu nữ, 110 ngoài Đảng, 726 đại biểu là người dân tộc thiểu số, 1.481 đại biểu tái cử, tôn giáo 105 đại biểu). So với nhiệm kỳ 2011 - 2016, số lượng đại biểu HĐND tăng 87 đại biểu. Cơ cấu đại biểu tương đối hợp lý, tỷ lệ đại biểu là nữ tăng 6,22%, người dân tộc thiểu số tăng 1,11%.

- Cấp tỉnh: có 11 đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách. Trong đó:

+ Thường trực HĐND tỉnh: gồm 08 thành viên, trong đó: Chủ tịch HĐND tỉnh do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kiêm nhiệm; có 07 thành viên hoạt động chuyên trách gồm: 02 Phó Chủ tịch, 04 Trưởng các Ban và Chánh Văn phòng HĐND tỉnh.

+ Các Ban HĐND tỉnh: gồm 04 Ban (Kinh tế - Ngân sách, Văn hóa - Xã hội, Pháp chế, Dân tộc), gồm 04 Trưởng ban và 04 Phó Trưởng Ban hoạt động chuyên trách.

- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND cấp huyện: có 09 Chủ tịch HĐND (có 01 Chủ tịch HĐND hoạt động chuyên trách); 16 Phó Chủ tịch HĐND

chuyên trách; 26 Trưởng ban (01 chuyên trách); 24 Phó Trưởng ban chuyên trách (có 2/9 đơn vị thiếu Phó Trưởng ban Dân tộc HĐND chuyên trách).

- Thường trực HĐND, các Ban của HĐND cấp xã: tỉnh Trà Vinh có 106 xã - phường - thị trấn, mỗi đơn vị đều có Chủ tịch HĐND hoạt động kiêm nhiệm, 01 Phó Chủ tịch HĐND hoạt động chuyên trách; 02 Trưởng ban và 02 Phó Trưởng ban hoạt động kiêm nhiệm.

- Số lượng Tổ đại biểu HĐND

+ Tổ đại biểu HĐND tỉnh: thành lập 09 Tổ đại biểu tương ứng với các huyện, thị xã, thành phố.

+ Tổ đại biểu HĐND cấp huyện: thành lập 91 Tổ đại biểu.

**Câu 73. Định hướng số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh**

1. Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh

+ Về số lượng: 06 đồng chí

+ Về cơ cấu, thành phần đại biểu thực hiện theo Điều 8 của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân và theo Nghị quyết số 1185/NQ-UBTCQH14, ngày 11/01/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phần đầu người được giới thiệu ứng cử đạt cơ cấu: Nữ chiếm 35% trở lên, dân tộc Khmer chiếm 20% trở lên; cơ cấu và thành phần khác thực hiện theo quy định chung.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân

- Về số lượng 50 đồng chí

- Định hướng cơ cấu thành phần:

+ Cấp tỉnh: Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân; lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh có tối đa 02 đại biểu hoạt động chuyên trách; mỗi Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh có tối đa 02 đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Số đại biểu còn lại hoạt động không chuyên trách.

+ Cấp huyện: Bí thư cấp ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân (nơi nào không bố trí được Bí thư thì Phó Bí thư cấp ủy kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân); lãnh đạo mỗi Ban của Hội đồng nhân dân có tối đa 02 đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Số đại biểu còn lại hoạt động không chuyên trách.

+ Cấp xã: Bố trí Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách

+ Phân đầu người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân 03 cấp trong tỉnh đạt cơ cấu chung như sau: Trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) không thấp hơn 15%; nữ ít nhất 35%; người dân tộc (tỉnh chiếm 20% trở lên; cấp huyện, cấp xã nơi có trên 30% là người dân tộc chiếm 20% trở lên, nơi có từ 20% đến 30% là người dân tộc chiếm 15% trở lên, từ 10% đến dưới 20% là người dân tộc chiếm 10%, nơi dưới 10% là người dân tộc tùy theo điều kiện cụ thể mà giới thiệu phù hợp); ngoài đảng phân đầu không thấp hơn 10%; tái cử phân đầu từ 30% trở lên.

+ Giảm tỷ lệ người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước so với nhiệm kỳ 2016 - 2021.

**Câu 74. Trà Vinh thành lập các tổ chức nào để lãnh đạo, chỉ đạo, phụ trách bầu cử, công tác phục vụ bầu cử, công tác bảo đảm an ninh trật tự**

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo bầu cử; Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ủy ban Bầu cử tỉnh.

- Ủy ban nhân dân các cấp thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử theo đúng thành phần và thời gian theo Luật định; sau khi thành lập các tổ chức phụ trách bầu cử xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể. Chỉ đạo thực hiện tốt nghiệp vụ bầu cử; bảo đảm các điều kiện về kinh phí, phương tiện, tài liệu phục vụ công tác chỉ đạo và bầu cử. Có kế hoạch bảo đảm về an ninh trật tự trong suốt quá trình bầu cử.

**Câu 75. Số đơn vị, danh sách các đơn vị bầu cử, số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026, được quy định như thế nào?**

1. Số đơn vị bầu cử: 14 đơn vị.
2. Tổng số đại biểu được bầu: 50 đại biểu.
3. Danh sách các đơn vị bầu cử và số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử:
  - Đơn vị bầu cử số 1: thành phố Trà Vinh, gồm: Phường 1, Phường 2, phường 3, phường 4, phường 5, phường 6, phường 7, phường 8, phường 9, xã Long Đức; số lượng đại biểu được bầu: 5 đại biểu.
  - Đơn vị bầu cử số 2: huyện Càng Long, gồm: thị trấn Càng Long, xã Mỹ Cẩm, xã An Trường, xã An Trường A, xã Tân Bình, xã Tân An, xã Huyền Hội; số lượng đại biểu được bầu: 5 đại biểu.
  - Đơn vị bầu cử số 3: huyện Càng Long, gồm: xã Phương Thạnh, xã Bình Phú, xã Nhị Long, xã Nhị Long Phú, xã Đại Phước, xã Đại Phúc, xã Đức Mỹ; số lượng đại biểu được bầu: 3 đại biểu.
  - Đơn vị bầu cử số 4: huyện cầu Kè, gồm: thị trấn cầu Kè, xã Thạnh Phú, xã Thông Hòa, xã Hòa Ân, xã Tam Ngãi, xã An Phú Tân; số lượng đại biểu được bầu: 3 đại biểu.
  - Đơn vị bầu cử số 5: huyện cầu Kè, gồm: xã Hòa Tân, xã Châu Điền, xã Phong Phú, xã Phong Thạnh, xã Ninh Thới; số lượng đại biểu được bầu: 3 đại biểu.
  - Đơn vị bầu cử số 6: huyện Tiểu Cần, gồm thị trấn Tiểu Cần, Thị trấn Cầu Quan, xã Long Thới, xã Phú cần, xã Hiếu Tử, xã Hiếu Trung, xã Tân Hùng, xã Hùng Hòa, xã Tân Hòa, xã Tập Ngãi, xã Ngãi Hùng; số lượng đại biểu được bầu: 5 đại biểu.
  - Đơn vị bầu cử số 7: huyện Châu Thành, gồm: xã Long Hòa, xã Hòa Minh, xã Hưng Mỹ, xã Phước Hào, xã Hòa Lợi, xã Hòa Thuận; số lượng đại biểu được bầu: 3 đại biểu.
  - Đơn vị bầu cử số 8: huyện Châu Thành, gồm: thị trấn Châu Thành, xã Thanh Mỹ, xã Mỹ Chánh, xã Đa Lộc, xã Lương Hòa, xã Lương Hòa A, xã



Nguyệt Hóa, xã Song Lộc; số lượng đại biểu được bầu: 4 đại biểu.

- Đơn vị bầu cử số 9: huyện Cầu Ngang, gồm: thị trấn cầu Ngang, thị trấn Mỹ Long, xã Mỹ Long Nam, xã Mỹ Long Bắc, xã Mỹ Hòa, xã Vinh Kim, xã Hiệp Mỹ Tây, xã Hiệp Mỹ Đông; số lượng đại biểu được bầu: 3 đại biểu.

- Đơn vị bầu cử số 10: huyện cầu Ngang, gồm: xã Nhị Trường, xã Trường Thọ, xã Kim Hòa, xã Hiệp Hòa, xã Long Sơn, xã Thạnh Hòa Sơn, xã Thuận Hòa; số lượng đại biểu được bầu: 3 đại biểu.

- Đơn vị bầu cử số 11: huyện Trà Cú, gồm: xã Phước Hưng, xã Tân Hiệp, xã Long Hiệp, xã Hàm Giang, xã Hàm Tân, xã Ngọc Biên; số lượng đại biểu được bầu: 3 đại biểu.

- Đơn vị bầu cử số 12: huyện Trà Cú, gồm: thị trấn Trà Cú, thị trấn Định An, xã Định An, xã Đại An, xã Thanh Sơn, xã Kim Sơn, xã Ngãi Xuyên, xã Lưu Nghiệp Anh, xã An Quảng Hữu, xã Tân Sơn, xã Tập Sơn; số lượng đại biểu được bầu: 4 đại biểu.

- Đơn vị bầu cử số 13: huyện Duyên Hải, gồm: thị trấn Long Thành, xã Long Khánh, xã Đông Hải, xã Long Vĩnh, xã Ngũ Lạc, xã Đôn Xuân, xã Đôn Châu; số lượng đại biểu được bầu: 3 đại biểu.

- Đơn vị bầu cử số 14: thị xã Duyên Hải, gồm: phường 1, phường 2, xã Dân Thành, xã Long Hữu, xã Long Toàn, xã Trường Long Hòa, xã Hiệp Thạnh; số lượng đại biểu được bầu: 3 đại biểu.

**Câu 76. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trên địa bàn tỉnh được thực hiện như thế nào?**

a) Đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV:

Hội đồng bầu cử quốc gia lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội khoa XV theo từng đơn vị bầu cử trong cả nước theo danh sách do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ủy ban bầu cử ở tỉnh gửi đến chậm nhất là ngày 28/4/2021 - 25 ngày trước ngày bầu cử.

b) Đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026:

Ủy ban bầu cử tỉnh Trà Vinh lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khoa X nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo từng đơn vị bầu cử trong tỉnh theo danh sách do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh gửi đến chậm nhất là ngày 28/4/2021 - 25 ngày trước ngày bầu cử.

c) Đối với người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2021 - 2026:

Ủy ban bầu cử cùng cấp lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cùng cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo từng đơn vị bầu cử cùng cấp, theo danh sách do Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam cùng cấp gửi đến chậm nhất là ngày 28/4/2021 - 25 ngày trước ngày bầu cử.

## MỤC LỤC

Câu 1. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 có ý nghĩa chính trị như thế nào?	2
Câu 2. Quốc hội Việt Nam có vị trí, vai trò như thế nào trong bộ máy nhà nước ta? Tại sao nói Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân?	2
Câu 3. Quốc hội có những chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn gì?	3
Câu 4. Vị trí, vai trò của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	5
Câu 5. Đại biểu Quốc hội có những quyền cơ bản nào?	5
Câu 6. Trách nhiệm của đại biểu Quốc hội được quy định như thế nào?	6
Câu 7. Hội đồng nhân dân giữ vị trí, vai trò như thế nào ở địa phương?	6
Câu 8. Vị trí, vai trò của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	6
Câu 9. Đại biểu Hội đồng nhân dân có những quyền gì?	7
Câu 10. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	7
Câu 11. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 có điểm gì mới?	8
Câu 12. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp huyện nhiệm kỳ 2021-2026 có điểm gì mới?	9
Câu 13. Tổ chức của Hội đồng nhân dân cấp xã nhiệm kỳ 2021 – 2026 có điểm gì mới?	10
Câu 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như thế nào?	10
Câu 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp huyện được quy định như thế nào?	11
Câu 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp xã được quy định như thế nào?	11
Câu 17. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phải đáp ứng những tiêu chuẩn gì?	12
Câu 18. Quyền bầu cử là gì? Quyền ứng cử là gì?	13
Câu 19. Tại sao nói bầu cử là quyền và nghĩa vụ của công dân?	13
Câu 20. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo những nguyên tắc nào?	14
Câu 21. Số người được giới thiệu ứng cử là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số được quy định như thế nào?	14
Câu 22. Việc xác định dự kiến cơ cấu, thành phần và phân bổ số lượng người được giới thiệu ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào?	14
Câu 23. Số đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội, đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân được quy định như thế nào?	15

- Câu 24. Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến bầu cử được thực hiện như thế nào? 15
- Câu 25. Người có hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử bị xử lý như thế nào? 17
- Câu 26. Những người nào được gọi là cử tri? 18
- Câu 27. Những người nào không được ghi tên vào danh sách cử tri? 18
- Câu 28. Quyền bầu cử của các cử tri có giống nhau hay không? 18
- Câu 29. Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh? 19
- Câu 30. Những trường hợp nào cử tri chỉ được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện? 19
- Câu 31. Những trường hợp nào cử tri được tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở cả ba cấp? 20
- Câu 32. Quyền bầu cử của người tự nguyện xin vào cai nghiện, chữa trị tại cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện được thực hiện như thế nào? 20
- Câu 33. Cử tri là người di cư tự do, chưa đăng ký thường trú hoặc tạm trú tại địa phương thì có quyền tham gia bầu cử đại biểu ở cấp nào? 20
- Câu 34. Cử tri đăng ký thường trú ở địa phương nhưng đi lao động, học tập ở địa phương khác nên thường xuyên không có mặt ở nơi thường trú dài ngày thì việc bảo đảm quyền bầu cử cho họ được thực hiện như thế nào? 21
- Câu 35. Cử tri là sinh viên của các cơ sở giáo dục đại học hoặc là công nhân khu công nghiệp có thể được ghi tên vào danh sách cử tri và tham gia bỏ phiếu tại khu vực bỏ phiếu nơi có cơ sở giáo dục hoặc nơi có khu nhà ở tập trung của khu công nghiệp để tiện cho việc tham gia bỏ phiếu có được không? 21
- Câu 36. Những người tạm vắng khỏi nơi cư trú kể từ ngày danh sách cử tri được niêm yết cho đến ngày bỏ phiếu vì các lý do khác nhau thì thực hiện quyền bầu cử ở đâu? 22
- Câu 37. Thế nào là người được giới thiệu ứng cử và thế nào là người tự ứng cử? 22
- Câu 38. Người ứng cử phải đáp ứng các tiêu chuẩn nào? 23
- Câu 39. Người nào không được ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân? 24
- Câu 40. Thế nào là “có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”? 25
- Câu 41. Một người có thể đồng thời ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ở nhiều cấp khác nhau được không? 25
- Câu 42. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân có thể là thành viên của các tổ chức phụ trách bầu cử được không? 25
- Câu 43. Hồ sơ ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân gồm những gì? 26
- Câu 44. Thời hạn và việc nộp hồ sơ ứng cử được thực hiện như thế nào? 26
- Câu 45. Các khiếu nại, tố cáo về người ứng cử và các khiếu nại, kiến nghị về những sai sót trong việc lập danh sách những người ứng cử được thực hiện như thế nào? 27
- Câu 46. Việc thay đổi, đính chính hồ sơ ứng cử có thể được thực hiện như thế nào? 28

- Câu 47. Thời hạn tạm ngừng việc xem xét khiếu nại, tố cáo đối với người ứng cử được quy định như thế nào? 28
- Câu 48. Các trường hợp nào bị xóa tên trong Danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân? 29
- Câu 49. Việc giới thiệu người của cơ quan, tổ chức, đơn vị ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào? 29
- Câu 50. Cuộc họp ban lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị đề cử kiến người giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân được thực hiện như thế nào? 30
- Câu 51. Hội nghị lấy ý kiến của cử tri tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với người được đề cử kiến giới thiệu ứng cử được tổ chức như thế nào? 30
- Câu 52. Việc dự kiến, giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã ở thôn, tổ dân phố được thực hiện như thế nào? 33
- Câu 53. Hội nghị lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành như thế nào? 35
- Câu 54. Vận động bầu cử là gì và phải bảo đảm những yêu cầu gì? 37
- Câu 55. Người ứng cử được sử dụng các hình thức vận động bầu cử nào? 38
- Câu 56. Hội nghị tiếp xúc cử tri trong vận động bầu cử do ai tổ chức và có những nội dung gì? 38
- Câu 57. Việc vận động bầu cử thông qua các phương tiện thông tin đại chúng được quy định như thế nào? 38
- Câu 58. Trong vận động bầu cử, pháp luật cấm những hành vi nào? 39
- Câu 59. Ngày bầu cử được quy định như thế nào? 39
- Câu 60. Vào ngày bầu cử, việc bỏ phiếu được bắt đầu và kết thúc khi nào? Việc bỏ phiếu có thể bắt đầu sớm và kết thúc sớm hoặc muộn hơn không? 39
- Câu 61. Việc bỏ phiếu được thực hiện như thế nào? 40
- Câu 62. Việc cử tri ghi phiếu bầu cử được thực hiện như thế nào? 40
- Câu 63. Trường hợp nào thì cử tri được nhờ người khác viết hộ phiếu, bỏ hộ phiếu bầu cử? 41
- Câu 64. Những phiếu bầu cử nào là phiếu bầu cử hợp lệ? 41
- Câu 65. Những phiếu bầu cử nào là phiếu không hợp lệ? 42
- Câu 66. Các khiếu nại, tố cáo tại chỗ về việc kiểm phiếu được giải quyết như thế nào? 42
- Câu 67. Việc công bố kết quả bầu cử, danh sách những người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 được tiến hành vào thời điểm nào? 42
- Câu 68. Thời hạn giải quyết khiếu nại về kết quả bầu cử được quy định như thế nào? 43
- Câu 69. Việc giải quyết tố cáo, khiếu nại về bầu cử được quy định như thế nào? 43
- Câu 70. Việc xác nhận tư cách của người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV, đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021-2026 được thực hiện như thế nào? 43

- Câu 71. Đoàn đại biểu Quốc hội khóa XIV đơn vị tỉnh Trà Vinh được tổ chức như thế nào? 44
- Câu 72. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021? 45
- Câu 73. Định hướng số lượng, cơ cấu, thành phần đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trong tỉnh 46
- Câu 74. Trà Vinh thành lập các tổ chức nào để lãnh đạo, chỉ đạo, phụ trách bầu cử, công tác phục vụ bầu cử, công tác bảo đảm an ninh trật tự 47
- Câu 75. Số đơn vị, danh sách các đơn vị bầu cử, số lượng đại biểu được bầu ở mỗi đơn vị bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026, được quy định như thế nào? 47
- Câu 76. Việc lập và công bố danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân trên địa bàn tỉnh được thực hiện như thế nào? 48